

Số: 21 /2018/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng
đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 389/TTr-STC ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc đề nghị ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư), ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây viết tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

1. Định mức sử dụng diện tích tối đa chuyên dùng cho các hoạt động:

| STT | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị | Diện tích tối đa sử dụng cho hoạt động (m ²) | | | | |
|-----|---|--|----------|---------------------------------------|--|------------------|
| | | Tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính | Tiếp dân | Quản trị hệ thống công nghệ thông tin | Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên) | Kho chuyên ngành |
| I | Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh | | | | | |
| a | Có số cán bộ, công chức, người lao động dưới 50 người | 100 | 40 | 30 | 200 | 300 |
| b | Có số cán bộ, công chức, người lao động từ 50 người trở lên | | 50 | 50 | 600 | 500 |
| II | Thành ủy, huyện ủy | 250 | 60 | 50 | 1.300 | 600 |
| | Ủy ban nhân dân cấp huyện | | | | | |
| III | Đảng ủy xã, phường, thị trấn | 100 | 50 | 30 | 300 | 200 |
| | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | | | | |
| IV | Cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban ngành cấp tỉnh và trực thuộc cấp huyện | 90 | 40 | 30 | 200 | 200 |

2. Định mức sử dụng diện tích tối đa khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù:

- a) Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: 4.800 m².
- b) Ban tiếp công dân tỉnh: 1.900 m².
- c) Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường: 450 m².
- d) Bảo tàng tỉnh, Đoàn Nghệ thuật Dân tộc; Trung tâm Văn hóa - Thể thao Thanh thiếu nhi: 100 m².
- đ) Trung tâm Bảo trợ xã hội: 200 m².
- e) Quỹ Bảo trợ trẻ em: 300 m².
- g) Thanh tra Sở Giao thông Vận tải: 50 m².
- h) Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân: 880 m².

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng được phê duyệt tại Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, lập kế hoạch khi được giao đầu tư xây dựng, thuê trụ sở làm việc; thực hiện quản lý, sử dụng diện tích chuyên dùng theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, thẩm định việc thực hiện, triển khai thiết kế đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách, giao đầu tư xây dựng, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp về diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2019.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Như điều 6 (thi hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Tuyên Quang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo;
- Chuyên viên: TH, TC;
- Lưu: VT.

(Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Quang

